TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Anh Tài và ông Nguyễn Hòa Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 175/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995; cư trú tại: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ 10, phường B, thị xã A, tỉnh Gia; vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1973, cư trú tại: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1951, cư trú tại: Tổ 10, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2017, bản tự khai ngày 09/3/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh Trần Đình T kết hôn vào ngày 09/4/2013 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn giữa Chị và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc hoặc vi phạm các điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn Chị và anh T cùng vào Thành phố K tìm việc làm để kiếm sống.

Do công việc không ổn định, thu nhập thấp, quan điểm sống không phù hợp nên vợ chồng chỉ sống hạnh phúc trong thời gian khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2015 chị H sinh cháu Trần Thanh D. Trong thời gian mang thai và sinh cháu D, chị H về nhà cha mẹ đẻ của mình là ông Nguyễn Tiến X và bà Trần Thị S ở Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai sinh sống. Vì trước đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên trong thời gian này anh Trần Đình T không quan tâm, chăm sóc chị H. Chị và anh T đã ly thân với nhau kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Tháng 3 năm 2017 Chị đã làm đơn khởi kiện ly hôn với anh T nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để tìm cách hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Chị cho rằng mâu thuẫn giữa Chị và anh T thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau, do đó Chị yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Đình T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Thanh D, sinh ngày 26/11/2015, cháu D hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H khai Chị và anh T hiện nay không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản với người khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Trần Đình T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 175/TB-TLVA ngày 01/12/2017 của Toà án nhân dân thị xã A. Tại thông báo này Tòa án đã yêu cầu bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh T không nộp. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và yêu cầu của mình nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa thể hiện:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Trần Đình T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án phải xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H. Cho chị H được ly hôn với anh Trần Đình T. Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi con là cháu Trần Thanh D, sinh ngày 26/11/2015. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Trần Đình T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 10, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A là Tòa án có thẩm quyền thụ lý và giải quyết tranh chấp nói trên. Do bị đơn anh Trần Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của chị H, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đã đủ cơ sở kết luận: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Đình T kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H: Chị H cho rằng xuất phát từ quan điểm sống không phù hợp với nhau nên giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay tình trạng mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng. Chị H và anh T đã sống ly thân với nhau từ ngày 16 tháng 6 năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc và yêu thương nhau. Lời khai của bà Hoàng Thị G là mẹ đẻ của anh Trần Đình T tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 thể hiện: Chị H và anh T không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2016 đến nay, mâu thuẫn giữa chị H và anh T không thể nào hòa giải được do hai vợ chồng đều cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa lời khai của bà Trần Thị S là mẹ đẻ của chị H thể hiện: Trong thời gian dưỡng thai và sinh cháu Trần Thanh D, chị H về nhà bà S sinh sống. Khoảng tháng 6 năm 2016, sau khi chị H sinh cháu Trần Thanh D được một thời gian thì anh T đưa chị H và cháu D vào Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng chỉ được sáu ngày thì chị H quay trở về và nói là không thể sống cùng với anh T được. Từ thời gian đó đến nay, chị H ở tại nhà bà S và vợ chồng chị H, anh T không còn chung sống với nhau nữa.

Lời khai của chị H là phù hợp với lời khai của bà Hoàng Thị G và bà Trần Thị S, đồng thời phù hợp với nội dung đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân của chị H được Tổ trưởng Tổ 10 và Chi hội phụ nữ Tổ 10, phường B xác nhận vào ngày 30/11/2017. Mặt khác, tháng 3 năm 2017 chị H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn khởi kiện để hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh T nhưng không có kết quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T thực sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Đình T.

[4] Về việc nuôi con: Chị H và anh T có 01 người con chung là cháu Trần Thanh D, sinh ngày 26/11/2015. Xét hiện nay cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại chị H đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Đình T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trần Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn với anh Trần Đình T.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thanh D, sinh ngày 26/11/2015, khi cháu D chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001114 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (10/7/2018), các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Võ Anh Tài	**Nguyễn Hòa Bình**	**Bùi Tứ Hải**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường B (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Anh Tài **Nguyễn Hòa Bình** **Bùi Tứ Hải**